

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 - TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/DS-ST
Ngày: 05-3-2026
V/v “Tranh chấp hợp đồng
góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hân.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Hoà;
- Ông Trần Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thị Bảo Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11 – Tây Ninh cơ sở D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 267/2025/TLST-DS ngày 02 tháng 10 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2026/QĐXXST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Vương Ký T, sinh năm 1977 và chị Dương Thị Huyền T1, sinh năm 1987; cùng địa chỉ: Số C hẻm I đường T, khóm Đ, phường L, tỉnh An Giang; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1967; địa chỉ: Số B hẻm B đường T, khu phố B, phường T, tỉnh Tây Ninh – Là người đại diện uỷ quyền theo Hợp đồng uỷ quyền ngày 24-7-2025; có mặt.

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Kim N (tên gọi khác: Huỳnh Kim H), sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp G, xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24 tháng 7 năm 2025 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn – ông Nguyễn Văn T2 trình bày:

Do có mối quan hệ họ hàng nên anh T, chị T1 có tham gia 03 phần hội ở 02 dây hội tuần do chị N làm chủ hội. Mỗi dây hội là 30 phần, 01 tuần đóng 01 lần, hội sống đóng 400.000 đồng/phần, hội chết đóng 500.000 đồng/phần, hoa hồng cho chủ hội là 2.000.000 đồng/ kỳ. Do anh T, chị T1 ở xa nên các bên thoả thuận việc đóng hội sẽ thông qua hình thức chuyển khoản từ số tài khoản 106001169949 chủ tài khoản Vương Ký T và số tài khoản 7010840463 chủ tài khoản Dương Thị Huyền T1 chuyển khoản đến số tài khoản 0868174452 chủ tài khoản Huỳnh Kim N được mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q. Quá trình đóng hội thì anh T, chị T1 đều đóng hội đầy đủ cho chị N theo như chứng từ chuyển khoản mà anh T, chị T1 cung cấp cho Toà án. Số tiền hội mà anh T, chị T1 đã đóng cho chị N cụ thể như sau:

+ Dây hội khai vào ngày 06-6-2023 (âm lịch): Vợ chồng anh T, chị T1 có tham gia tổng cộng 20 phần. Theo danh sách hội anh T, chị T1 cung cấp thể hiện hội viên tên S (tên ở nhà của chị T1) tham gia hội 10 phần. Còn 10 phần còn lại chị N không đưa danh sách hội. Anh T, chị T1 đã đóng cho chị N được tổng cộng 23 kỳ hội x 20 phần x 400.000 đồng, tổng cộng là 184.000.000 đồng – 4.000.000 đồng (10 phần hội do biết chị N bẻ hội nên không chuyển tiền cho chị N) còn lại 180.000.000 đồng.

+ Dây hội khai ngày 24-8-2023 (âm lịch) thì vợ chồng anh T có tham gia tổng cộng 10 phần. Theo danh sách hội anh T, chị T1 cung cấp thể hiện hội viên tên L (tên ở nhà của anh T). Anh T, chị T1 đã đóng cho chị N được 12 kỳ hội x 10 phần x 400.000 đồng, tổng cộng là 48.000.000 đồng.

Đến khoảng cuối tháng 12/2023 thì anh T, chị T1 phát hiện chị N đã ngưng các dây hội nên không tiếp tục đóng hội cho chị N. Anh T, chị T1 đã đóng hội cho chị N số tiền tổng cộng là 228.000.000 đồng.

Anh T, chị T1 nhiều lần đến nhà đòi lại tiền hội nhưng không gặp được chị N. Vào ngày 14-8-2024 thì chị N có trả cho anh T, chị T1 2.000.000 đồng; ngày 28-01-2025 thì chị N có trả cho anh T, chị T1 2.000.000 đồng. Tổng cộng là 4.000.000 đồng. Việc trả tiền này là chị N trả trực tiếp cho ba ruột của chị T1.

Nay, anh T, chị T1 yêu cầu chị N trả cho anh T, chị T1 số tiền hội đã đóng là 228.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 24-12-2023 đến ngày Toà án giải quyết vụ án với mức lãi suất là 20%/năm. Anh T, chị T1 đồng ý khấu trừ 4.000.000 đồng tiền chị N đã trả vào tiền lãi.

Bị đơn chị Huỳnh Kim N: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Giấy triệu tập đến tham gia phiên làm việc; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng chị N vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Tại phiên toà,

Nguyên đơn - anh Vương Ký T và chị Dương Thị Huyền T1 trình bày: Anh T, chị T1 thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về phần tiền lãi. Anh T, chị T1 yêu cầu chị N trả cho anh T, chị T1 số tiền hui đã đóng là 228.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 24-12-2023 đến ngày Toà án giải quyết vụ án với mức lãi suất là 10%/năm. Anh T, chị T1 đồng ý khấu trừ 4.000.000 đồng tiền chị N đã trả vào tiền lãi.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, xem như từ bỏ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Căn cứ vào Điều 471 Bộ luật dân sự 2015; Điều 15, 18, 22, 23 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về hộ, hội, biểu, phường. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc chị N có nghĩa vụ trả cho anh T, chị T1 số tiền hui là 228.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

+ Về án phí: Đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Vương Ký T, chị Dương Thị Huyền T1 khởi kiện yêu cầu chị Huỳnh Kim N trả cho anh T, chị T1 số tiền hui là 228.000.000 đồng và tiền lãi. Chị N có địa chỉ tại Ấp G, xã T, tỉnh Tây Ninh. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 81/2025/UBTVQH15 ngày 27-6-2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp dân sự về “Tranh chấp hợp đồng góp hui”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh.

Tại phiên toà, bị đơn chị Huỳnh Kim N đã được Toà án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai vẫn vắng mặt không lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị N theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung giải quyết vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của anh Vương Ký T, chị Dương Thị Huyền T1:

[2.1.1] Về yêu cầu chị Huỳnh Kim N trả tiền hội đã đóng là 228.000.000 đồng:

Căn cứ theo sổ hội do anh T, chị T1 cung cấp thể hiện chị Huỳnh Kim N (tên gọi khác Huỳnh Kim H) có làm chủ 02 dây hội, mỗi dây hội là 30 phần, 01 tuần đóng 01 lần, hội sống đóng 400.000 đồng/phần, hội chết đóng 500.000 đồng/phần, hoa hồng cho chủ hội là 2.000.000 đồng/ kỳ, cụ thể:

+ Dây hội khai vào ngày 06-6-2023 âm lịch thì vợ chồng anh T có tham gia tổng cộng 20 phần. Theo danh sách hội anh T, chị T1 cung cấp thể hiện hội viên tên S (tên ở nhà của chị T1) tham gia hội 10 phần, còn 10 phần không có trong danh sách hội.

+ Dây hội khai ngày 24-8-2023 âm lịch thì vợ chồng anh T có tham gia tổng cộng 10 phần. Theo danh sách hội anh T, chị T1 cung cấp thì hội viên tên L (tên ở nhà của anh T) tham gia hội 10 phần.

Căn cứ vào bảng sao kê chi tiết giao dịch của anh Vương Ký T (bút lục 58 đến 68) tại Ngân hàng Thương mại cổ phần C, bảng sao kê tài khoản tiền gửi khách hàng của chị Dương Thị Huyền T1 tại Ngân hàng Đ (bút lục 69 đến 73), thể hiện:

+ Đối với dây hội khai ngày 06-6-2023 âm lịch (tức ngày 23-7-2023 dương lịch): Anh T sử dụng số tài khoản 106001169949 (chủ tài khoản Vương Ký T) chuyển khoản đến số tài khoản 0868174452 (chủ tài khoản Huỳnh Kim N) số tiền 4.000.000 đồng tương ứng 10 phần hội sống bắt đầu từ ngày 23-7-2023 (tức ngày 06-6 âm lịch), tiếp sau đó hàng tuần đều có chuyển khoản cho chị N đến ngày 24-12-2023 thì kết thúc. Anh T đã chuyển khoản cho chị N được tổng cộng 23 lần x 4.000.000 đồng là 92.000.000 đồng.

Chị T1 sử dụng số tài khoản 7010840463 (chủ tài khoản Dương Thị Huyền T1) chuyển khoản đến số tài khoản 0868174452 (chủ tài khoản Huỳnh Kim N) số tiền 4.000.000 đồng tương ứng 10 phần hội sống bắt đầu từ ngày 23-7-2023 (tức ngày 06-6 âm lịch), tiếp sau đó hàng tuần đều có chuyển khoản cho chị N đến ngày 19-12-2023 thì kết thúc. Chị T1 đã chuyển khoản cho chị N được tổng cộng 22 lần x 4.000.000 đồng là 88.000.000 đồng.

Tổng cộng anh T, chị T1 đã chuyển khoản cho chị N số tiền hội là 180.000.000 đồng.

+ Đối với dây hội khai ngày 24-8-2023 âm lịch (tức ngày 08-10-2023 dương lịch): Anh T sử dụng số tài khoản 106001169949 (chủ tài khoản Vương Ký T) chuyển khoản đến số tài khoản 0868174452 (chủ tài khoản Huỳnh Kim N) số tiền 4.000.000 đồng tương ứng 10 phần hội sống bắt đầu từ ngày 08-10-2023 (tức ngày 24-8 âm lịch), tiếp sau đó hàng tuần đều có chuyển khoản cho chị N đến

ngày 24-12-2023 thì kết thúc. Anh T đã chuyển khoản cho chị N được 12 lần x 4.000.000 đồng, tổng cộng là 48.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền hội anh T, chị T1 đã chuyển khoản cho chị N liên quan đến các phần hội đang tranh chấp tổng cộng là 228.000.000 đồng. Qua đối chiếu với sổ phụ chi tiết kiêm báo nợ/báo có của chị Huỳnh Kim N tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (bút lục 101 đến 108) thì đều thể hiện có việc chuyển khoản của anh T, chị T1. Đến ngày 23-12-2023 thì anh T, chị T1 nghe tin chị N bỏ hội và không còn liên lạc được với chị N nên không tiếp tục góp hội.

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, chị N đều vắng mặt, không có lời trình bày cũng không cung cấp chứng cứ liên quan đến vụ án để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình; thể hiện việc bị đơn từ bỏ quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, anh T, chị T1 trình bày có tham gia góp hội do chị N làm chủ, đã đóng được số tiền hội 228.000.000 đồng thì bỏ hội, không liên lạc được với chị N nên anh T, chị T1 khởi kiện yêu cầu chị N trả số tiền hội đã góp là 228.000.000 đồng là phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015, các Điều 15, 18, 23 của Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường.

[2.1.2] Về yêu cầu tính lãi: Anh T, chị T1 yêu cầu chị N trả tiền lãi từ ngày 24-12-2023 cho đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 10%/năm. Xét thấy, việc chị N tự ý ngưng hội, không liên lạc với thành viên tham gia hội và không đăng hội đã vi phạm nghĩa vụ của chủ hội nên chị N phải chịu lãi chậm trả đối với số tiền hội đã góp theo quy định tại Điều 22 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19-02-2019 của Chính phủ về họ, hội, biểu, phường. Do đó, yêu cầu tính lãi của anh T, chị T1 có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Quá trình giải quyết vụ án, anh T chị T1 thừa nhận có nhận của chị N 4.000.000 đồng và đồng ý khấu trừ số tiền này vào tiền lãi nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tiền lãi được tính như sau: 228.000.000 đồng x 02 năm 02 tháng 09 ngày x 10%/năm = 49.962.192 đồng, khấu trừ 4.000.000 đồng còn lại là 45.962.192 đồng.

[2.2] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh T, chị T1. Buộc chị N trả cho anh T, chị T1 số tiền hội tổng cộng là 273.962.192 đồng, trong đó tiền gốc là 228.000.000 đồng, tiền lãi là 45.962.192 đồng.

[3] Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - Tây Ninh đề nghị là có cơ sở nên chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV 11 - TN;

- THADS tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu tập án;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Hân